

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/DS-ST**

Ngày 17/3/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmok và ông Hứa Quang Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-DS ngày 08/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 20/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G;

Địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Trần Ngọc V, sinh năm 1989, vắng mặt (người được ủy quyền Công ty Luật TNHH MTV S có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G (Sau đây gọi là Công ty) trình bày có nội dung:

Ngày 08/11/2016, ông Q có ký hợp đồng tín dụng số 20161111-0007837 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th (Nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th), Công ty cho ông Q vay số tiền 26.375.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Q có trách nhiệm thanh toán cho công ty số tiền 35,706,117

đồng (Gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 12 tháng; 11 tháng đầu, mỗi tháng trả 2,976,000 đồng, tháng cuối cùng trả 2,970,117 đồng, bắt đầu từ ngày 16/12/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán được 3 lần với tổng số tiền 8,928,000 đồng, [Trong đó gồm 5,225,131 đồng nợ gốc và 3,702,869 đồng nợ lãi]. Kể từ ngày 20/02/2017 đến nay, ông Q không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào dù Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 28/12/2018, khoản nợ nói trên đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th bán lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ G.

Vì vậy Công ty TNHH mua bán nợ G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G toàn bộ số tiền còn nợ là 26,778,117 [Trong đó nợ gốc: 21,149,869 đồng; nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn, ngày 16/11/2017 là 5,628,248 đồng]. Công ty TNHH mua bán nợ G không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/11/2017.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 08/11/2016, ông có ký hợp đồng tín dụng số 20161111-0007837 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th (Nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th), ông Q vay của Công ty số tiền 26,375,000 đồng với lãi suất thoả thuận 5%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, ông Q không thể chấp tài sản gì cho Công ty, cũng không ai đứng ra bảo lãnh cho khoản vay. Thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng; 11 tháng đầu, mỗi tháng trả 2,976,000 đồng, tháng cuối cùng trả 2,970,117 đồng, bắt đầu từ ngày 16/12/2016. Ông Q đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty 3 lần với tổng số tiền 8,928,000 đồng, [Trong đó gồm 5,225,131 đồng nợ gốc và 3,702,869 đồng nợ lãi]. Kể từ ngày 20/02/2017 do làm ăn khó khăn nên chưa trả nợ cho Công ty. Công ty khởi kiện yêu cầu ông Q trả toàn bộ số tiền nợ 26,778,117 [Trong đó nợ gốc: 21,149,869 đồng; nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn, ngày 16/11/2017 là 5,628,248 đồng], ông Q đồng ý về số nợ nhưng xin trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 2 năm 2023, nếu Công ty không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Q phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 26,778,117 [Nợ gốc còn lại: 21,149,869 đồng; nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn, ngày 16/11/2017 là 5,628,248 đồng].

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 24/10/2022 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn đề nghị không đồng ý hoà giải, đối thoại tại Tòa án; ngày 31/10/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 04/11/2022 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí, ngày 08/11/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Người được ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 08/11/2016, ông Q có ký hợp đồng tín dụng số 20161111-0007837 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th (Nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th), Công ty cho ông Q vay số tiền 26.375.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân hình thức vay tín chấp, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận trong vòng 12 tháng ông Q phải trả cho công ty số tiền cả gốc và lãi là 35,706,117 đồng; 11 tháng đầu, mỗi tháng trả 2,976,000 đồng, tháng cuối cùng trả 2,970,117 đồng, bắt đầu từ ngày 16/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q chỉ thanh toán được 3 lần với tổng số tiền 8,928,000 đồng, [Trong đó gồm 5,225,131 đồng nợ gốc và 3,702,869 đồng lãi suất]. Kể từ ngày 20/02/2017, ông Q đã không thanh toán cho Công ty thêm bất cứ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Ngày 28/12/2018, khoản nợ nói trên đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th bán lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ G.

Do đó, Công ty TNHH Mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số tiền tính đến ngày 16/11/2017 là 26,778,117 đồng [Trong đó nợ gốc là 21,149,869 đồng; nợ lãi là 5,628,248 đồng] là có căn cứ phù hợp với Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với số tiền lãi tính từ ngày 17/11/2017 Công ty không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 669.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018278 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu 1.338.905 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là $[26,778,117 \text{ đồng} \times 5\% = 1.338.905 \text{ đồng}]$ là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2017 là 26,778,117 đồng [Nợ gốc là 21,149,869 đồng; nợ lãi là 5,628,248 đồng]. Đối với số tiền lãi tính từ ngày 17/11/2017 Công ty TNHH mua bán nợ G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 669.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018278 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu 1.338.905 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh